

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2268/QĐ-ĐHTM ngày ...20... tháng ...12... năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Quản trị nhân lực doanh nghiệp (CT định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) Corporate Human Resource Management (International Profession Oriented Program)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Quản trị nhân lực
Mã ngành:	7340404
Chuyên ngành đào tạo:	Quản trị nhân lực doanh nghiệp
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt và Tiếng Anh

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) Quản trị nhân lực doanh nghiệp (CT định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) được kế thừa từ CTĐT chất lượng cao - đã được ban hành theo quyết định số 104/QĐ-ĐHTM ngày 21/01/2022 (lần rà soát, sửa đổi gần nhất là ngày 13/2/2023 theo quyết định số 142/QĐ-ĐHTM).

Trong lần sửa đổi này, chương trình có một số điều chỉnh như sau:

- Sửa đổi, hoàn thiện cách phát biểu về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo hướng làm rõ hơn các mục tiêu và chuẩn đầu ra mà sinh viên tốt nghiệp cần đạt được; cập nhật các chuẩn đầu ra về kiến thức liên ngành, chuyển đổi số và khởi nghiệp; và nhất mạnh tới việc đạt được các kỹ năng nghề nhân sự;

- Hoàn thiện khung chương trình đào tạo: khối giáo dục chuyên nghiệp được kết cấu thành các nhóm Kiến thức liên ngành, Kiến thức ngành, Kiến thức chuyên ngành và Thực tập – làm tốt nghiệp;

- Tăng cường các học phần thực hành do cán bộ thực tế trực tiếp hướng dẫn thực hành tại Trường và doanh nghiệp.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT)

- **Mục tiêu chung:** Chương trình Quản trị nhân lực doanh nghiệp (định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) là CTĐT định hướng nghề nghiệp, đào tạo cử nhân Quản trị nhân lực doanh nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững các kiến thức liên ngành về kinh tế, kinh doanh, chuyển đổi số và khởi nghiệp; có

tư duy hệ thống và kiến thức toàn diện về quản trị nhân lực; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thuần thục và khả năng quản lý các hoạt động chuyên môn về nhân sự; làm chủ các kỹ năng mềm, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc, sử dụng tốt tiếng Anh; có khả năng thích nghi, làm việc độc lập và tự chủ trong môi trường nghề nghiệp quốc tế.

- **Mục tiêu cụ thể:** Chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế nhằm đào tạo các cử nhân Quản trị nhân lực doanh nghiệp đáp ứng các mục tiêu cụ thể như sau:

(PO1): Có kiến thức liên ngành về kinh tế, kinh doanh, chuyên đổi số và khởi nghiệp; có tư duy hệ thống, nắm vững các kiến thức chuyên môn toàn diện về quản trị nhân lực trong bối cảnh môi trường đa văn hoá và hội nhập quốc tế.

(PO2): Thực hành được các kỹ năng nghề nghiệp một cách thuần thục và có kỹ năng quản lý các hoạt động chuyên môn về nhân sự bao gồm hoạch định nhân lực, tuyển dụng nhân lực, đào tạo và phát triển nhân lực, đãi ngộ nhân lực và đánh giá kết quả thực hiện công việc.

(PO3): Làm chủ các kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng phản biện và tư duy sáng tạo, giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, quản lý thời gian, lập kế hoạch và quản lý công việc.

(PO4): Có khả năng cập nhật và ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc chuyên môn, sử dụng tốt tiếng Anh, có năng lực thích nghi, tự học tập suốt đời và khả năng làm việc trong môi trường nghề nghiệp quốc tế

(PO5): Có khả năng làm việc độc lập, tự chủ để giải quyết các vấn đề chuyên môn về nhân sự, có khả năng quản lý và chịu trách nhiệm về các hoạt động quản trị nhân lực.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Kiến thức

Sinh viên sau khi hoàn thành chương trình học tập, đạt được những chuẩn đầu ra về kiến thức như sau:

(PLO1): Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về xã hội, chính trị và pháp luật vào hoạt động quản trị nhân lực (kiến thức về chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về lịch sử Đảng và về pháp luật).

(PLO2): Vận dụng được các kiến thức liên ngành về kinh tế, kinh doanh, khởi nghiệp và chuyên đổi số vào việc tư duy, thực hành nghề nghiệp và giải quyết các vấn đề trong quản trị nhân lực.

(PLO3): Xây dựng được tư duy hệ thống về quản trị nhân lực, vận dụng được các kiến thức về luật lao động, quan hệ lao động và kinh tế nguồn nhân lực vào việc thực hiện các hoạt động quản trị nhân lực.

(PLO4): Vận dụng được các kiến thức chuyên môn về nghề nhân sự trong việc

tư duy và thực hành nghề nghiệp; phân tích và giải quyết được các vấn đề thực tế đặt ra trong quản trị nhân lực của doanh nghiệp.

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

Sinh viên sau khi hoàn thành chương trình học tập, đạt được những chuẩn đầu ra về kỹ năng như sau:

(PLO5): Thực hiện được các kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá các hoạt động và quá trình quản trị nhân lực của doanh nghiệp; có kỹ năng phân tích và đọc báo cáo về các hoạt động quản trị nhân lực.

(PLO6): Thực hành được các kỹ năng nghề nhân sự bao gồm hoạch định nhân lực, tuyển dụng nhân lực, đào tạo và phát triển nhân lực, đãi ngộ nhân lực và đánh giá thực hiện công việc.

(PLO7): Thực hành được kỹ năng nghiên cứu, phát hiện vấn đề, đề xuất giải pháp và viết báo cáo về các vấn đề đặt ra trong hoạt động quản trị nhân lực của doanh nghiệp.

(PLO8): Làm chủ các kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng phản biện, tư duy sáng tạo, quản lý thời gian, làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình, giải quyết vấn đề, lập kế hoạch và quản lý công việc.

3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên sau khi hoàn thành chương trình học tập, đạt được những chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm như sau:

(PLO9): Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn về nhân sự trong doanh nghiệp hoặc với tư cách là một tư vấn viên độc lập.

(PLO10): Có khả năng quản lý và chịu trách nhiệm về các hoạt động chuyên môn về nhân sự, khả năng đánh giá và cải tiến các hoạt động quản trị nhân lực của doanh nghiệp.

3.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

Sinh viên sau khi hoàn thành chương trình học tập, đạt được những chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học như sau:

(PLO11): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO12): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý của Trường Đại học Thương mại.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Chương trình bao gồm 131 TC, trong đó có 120 TC học tập và thực tập tốt nghiệp,

11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh.

5. Đối tượng tuyển sinh

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học
- Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trưởng Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo.

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

7. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

8. Nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	Số TC	Cấu trúc
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			48	
1.1	Giáo dục đại cương			37	
1.1.1	Các học phần bắt buộc			34	
1	Triết học Mác - Lê Nin <i>Phylosophy of Maxism-Leninism</i>	MLNP0221	Tiếng Việt	3	36,18
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin <i>Political enonomics of Maxism-Leninism</i>	RLCP1211	Tiếng Việt	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	HCMIO111	Tiếng Việt	2	24,12
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of Vietnamese Communist Party</i>	HCMIO131	Tiếng Việt	2	21,18
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific socialism</i>	HCMIO121	Tiếng Việt	2	24,12
6	Pháp luật đại cương <i>Introduction to Laws</i>	TLAW0111	Tiếng việt	2	24,12
7	Tiếng Anh tăng cường 1.1 <i>Intensive English 1.1</i>	ENPR7011	Tiếng Anh	4	48,24
8	Tiếng Anh tăng cường 1.2 <i>Intensive English 1.2</i>	ENPR7111	Tiếng Anh	4	48,24
9	Tiếng Anh nâng cao 1.1 <i>Advanced English 1.1</i>	ENTI3111	Tiếng Anh	5	60,30
10	Tiếng Anh nâng cao 1.2 <i>Advanced English 1.2</i>	ENTI3211	Tiếng Anh	5	60,30

11	Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản <i>Information Technology Foundation</i>	INFO3511	Tiếng Việt	3	36,18
1.1.2	Các học phần tự chọn			3	
	<i>Chọn 03 TC trong các HP sau:</i>				
1	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	AMAT0411	Tiếng Việt	3	36,18
2	Giao tiếp trong kinh doanh <i>Communication in Business</i>	EPIN0111	Tiếng Việt	3	0,90
1.2	Giáo dục thể chất			3	
1.2.1	Các học phần bắt buộc			1	
	Giáo dục thể chất chung <i>Physical Education</i>	GDTC1611	Tiếng Việt	1	12,18
1.2.2	Các học phần tự chọn			2	
	<i>Chọn 02 TC trong các HP sau:</i>				
1	Cầu lông <i>Badminton</i>	GDTC0521	Tiếng Việt	1	12,18
2	Bóng chuyền <i>Volleyball</i>	GDTC0621	Tiếng Việt	1	12,18
3	Bóng ném <i>Handball</i>	GDTC0721	Tiếng Việt	1	12,18
4	Bóng bàn <i>Table tennis</i>	GDTC1621	Tiếng Việt	1	12,18
5	Cờ vua <i>Chess</i>	GDTC1721	Tiếng Việt	1	12,18
6	Bóng rổ <i>Basketball</i>	GDTC0821	Tiếng Việt	1	12,18
1.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh Military Education			8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			83	
2.1	Kiến thức liên ngành			43	
2.1.1	Các học phần bắt buộc			28	
1	Kinh tế học <i>Economics</i>	MIEC1031	Tiếng Anh	3	36,18
2	Chuyển đổi số trong kinh doanh <i>Digital Transformation in Business</i>	PCOM1111	Tiếng Việt	2	24,12
3	Thực tập nghề nghiệp <i>Internship</i>	QTNL0111	Tiếng Việt	2	0,60
4	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh <i>AI for Business</i>	INFO3611	Tiếng Việt	3	36,18

5	Quản trị học <i>Fundamentals of Management</i>	BMGM0531	Tiếng Anh	3	36,18
6	Marketing căn bản <i>Principles of Marketing</i>	BMKT3231	Tiếng Anh	3	36,18
7	Nguyên lý quản trị nhân lực <i>Principles of Human Resource Management</i>	HRMG2531	Tiếng Anh	3	36,18
8	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	FACC0112	Tiếng Anh	3	36,18
9	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính <i>Money, Banking and Financial Market</i>	EFIN2812	Tiếng Anh	3	36,18
10	Khởi sự kinh doanh <i>Entrepreneurship</i>	EPIN0211	Tiếng Việt	3	36,18
2.1.2	Các học phần tự chọn			15	
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific Research Methodology</i>	SCRE0211	Tiếng Việt	3	36,18
2	Quản trị dịch vụ <i>Service Management</i>	TEMG2911	Tiếng Việt	3	36,18
3	Luật kinh tế 1 <i>Economic law 1</i>	PLAW0321	Tiếng Việt	3	36,18
4	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	ITOM1311	Tiếng Việt	3	36,18
5	Lý thuyết kinh tế số <i>Theory of digital economics</i>	DECO0111	Tiếng Việt	3	36,18
6	An sinh xã hội <i>Social security</i>	HRMG2011	Tiếng Việt	3	36,18
7	Phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp <i>Personal Development and Career Orientation</i>	EPIN0311	Tiếng Việt	3	36,18
8	Quản trị thời gian <i>Time management</i>	HRMG2911	Tiếng Việt	3	36,18
9	Tâm lý học lao động <i>Labour psychology</i>	ENEC1911	Tiếng Việt	3	36,18
10	Quản trị hành chính văn phòng <i>Office management</i>	HRMG3011	Tiếng Việt	3	36,18
2.2	Kiến thức ngành			15	
2.2.1	Các học phần bắt buộc			9	
1	Luật lao động <i>Labour law</i>	BLAW4311	Tiếng Việt	3	36,18

2	Quan hệ lao động <i>Industrial Relations</i>	HRMG0511	Tiếng Việt	3	36,18
3	Kinh tế nguồn nhân lực <i>Human resource economics</i>	ENEC1531	Tiếng Anh	3	36,18
2.2.2	Các học phần tự chọn				
	Chọn 6 TC trong các HP sau:			6	
1	Tổ chức và định mức lao động trong doanh nghiệp <i>The labour norm and organization in the business</i>	ENEC0212	Tiếng Việt	3	36,18
2	Phân tích nhân lực <i>Human resource analytics</i>	ENEC1811	Tiếng Việt	3	30,30
3	An toàn và vệ sinh lao động <i>Occupational Health – Safety</i>	ENEC2111	Tiếng Việt	3	36,18
4	Quản trị nhân lực công <i>Human resource management in the public sector</i>	ENEC2011	Tiếng Việt	3	36,18
2.3	Kiến thức chuyên ngành			15	
1	Hoạch định nguồn nhân lực <i>Human resources planning</i>	HRMG1311	Tiếng Việt	3	36,18
2	Thực hành Tuyển dụng nhân lực <i>Human Recruitment Practice</i>	QTNL0261	Tiếng Việt	3	0,90
3	Trả công lao động <i>Labour compensation</i>	ENEC1631	Tiếng Anh	3	36,18
4	Đào tạo và phát triển nhân lực <i>Training and development human resources</i>	HRMG2731	Tiếng Anh	3	36,18
5	Đánh giá thực hiện công việc <i>Performance appraisal</i>	HRMG3131	Tiếng Anh	3	36,18
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học			10	
1	Thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm <i>Intership project report</i>	REPU1611	Tiếng Việt/Tiếng Anh	3	0,90
2	Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	LVVU1711	Tiếng Việt/Tiếng Anh	7	0,210

Ghi chú:

- Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ bao gồm 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp (trong đó có 96 tín chỉ học phần bắt buộc (80%), 24 tín chỉ học phần tự chọn (20%) và 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh. CTĐT có 30 tín chỉ học phần chuyên môn giảng dạy bằng Tiếng Anh, chiếm 36,1% trong tổng số tín chỉ Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp.

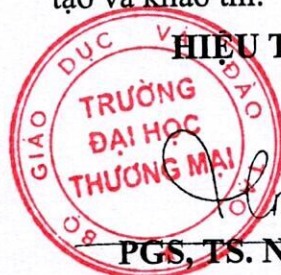
8.2. Mô tả các học phần (xem phụ lục)

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	Kỳ 1	Kiến thức giáo dục đại cương	9
		Kiến thức liên ngành	3
		GDTC	01
2	Kỳ 2	Kiến thức giáo dục đại cương	9
		Kiến thức liên ngành	6
		GDTC	01
	Kỳ hè năm thứ nhất	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8
3	Kỳ 3	Kiến thức giáo dục đại cương	6
		Kiến thức liên ngành	9
		GDTC	1
4	Kỳ 4	Kiến thức giáo dục đại cương	7
		Kiến thức liên ngành	11
5	Kỳ 5	Kiến thức giáo dục đại cương (HP LLCT)	3
		Kiến thức liên ngành	7
		Kiến thức ngành	6
		Kiến thức chuyên ngành	3
6	Kỳ 6	Kiến thức giáo dục đại cương (HP LLCT)	3
		Kiến thức liên ngành	7
		Kiến thức ngành	3
		Kiến thức chuyên ngành	3
7	Kỳ 7	Kiến thức ngành	6
		Kiến thức chuyên ngành	9
8	Kỳ 8	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10
TỔNG CỘNG			131

Lưu ý:

- Căn cứ vào điều kiện thực tế, Nhà trường có thể điều chỉnh kế hoạch thực hiện CTĐT;
- Các học phần thực hành/ thực tế có thể được tổ chức học tập vào kỳ hè năm thứ 2, năm thứ 3;
- Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS. Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

PGS, TS. Trần Văn Trang

PHỤ LỤC
MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP (ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN SÂU
NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ)

1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (48 TC)

1.1. Giáo dục đại cương (37 TC)

1.1.1. Các học phần bắt buộc (34 TC)

Triết học Mác – Lê nin (3 TC)

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (2 TC)

Học phần nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư); Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC)

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 TC)

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 TC)

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và các vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương (2 TC)

Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh tăng cường 1.1 (4 TC)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản giúp người học đạt được trình độ năng lực ngôn ngữ trung cấp (IELTS OVERALL BAND SCORE 4.5). Cụ thể, học phần giúp phát triển các kỹ năng ngôn ngữ mang tính học thuật gồm nghe, nói, đọc viết nhằm chuẩn bị cho các thí sinh tham dự kỳ thi IELTS, đồng thời nâng

cao vốn từ vựng của người học, cung cấp các chiến lược và phương pháp làm bài phù hợp với định hướng IELTS.

Tiếng Anh tăng cường 1.2 (4 TC)

Học phần *Tiếng Anh tăng cường 1.2* được thiết kế nhằm giúp người học đạt được trình độ năng lực ngôn ngữ trung cấp (IELTS OVERALL BAND SCORE 5). Cụ thể, học phần giúp phát triển các kỹ năng ngôn ngữ mang tính học thuật gồm nghe, nói, đọc viết đặc biệt là kỹ năng nói và viết nhằm chuẩn bị cho các thí sinh tham dự kỳ thi IELTS, đồng thời nâng cao vốn từ vựng của người học, cung cấp các chiến lược và phương pháp làm bài phù hợp với định hướng IELTS.

Tiếng Anh nâng cao 1.1 (5 TC)

Học phần *Tiếng Anh nâng cao 1.1* dành cho các sinh viên đã đạt được IELTS band 5.0 hoặc hoàn thành bậc 3 khung tham chiếu châu Âu (B1). Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp theo định hướng IELTS. Nội dung học phần xoay quanh 3 cụm chủ đề phổ biến trong IELTS gồm culture (văn hóa), food (ẩm thực) và communication (giao tiếp).

Tiếng Anh nâng cao 1.2 (5 TC)

Học phần *Tiếng Anh nâng cao 1.2* tiếp nối *Tiếng Anh nâng cao 1.1*, dành cho các sinh viên đã đạt được IELTS band 5.0 hoặc hoàn thành bậc 3 khung tham chiếu châu Âu (B1). Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, mở rộng vốn từ vựng, phát triển nền tảng ngữ pháp theo định hướng IELTS. Nội dung học phần xoay quanh 3 cụm chủ đề phổ biến trong IELTS gồm media (truyền thông), environment (môi trường), money (chi tiêu).

Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản (3 TC)

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương Mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.

1.1.2. Các học phần tự chọn (3 TC)

Kinh tế lượng (3 TC)

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương

pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Giao tiếp trong kinh doanh (3 TC)

Người học sẽ được trang bị những kỹ thuật và phương pháp giao tiếp bằng: lời nói, văn bản, điện thoại, email, ngôn ngữ không lời, giao tiếp hệ thống truyền thông, mô hình truyền thông có hiệu quả trong kinh doanh. Đồng thời giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình giao tiếp kinh doanh; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong giao tiếp kinh doanh. Mang lại cho người học sự tự tin khi đối diện với những tình huống giao tiếp trong kinh doanh, kể cả các tình huống khó khăn và xử lý tốt các tình huống đó.

1.2. Giáo dục thể chất (3 TC)

1.2.1. Các học phần bắt buộc

Giáo dục thể chất chung (1 TC)

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương, kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện thể dục thể thao, phương pháp rèn luyện thể chất.

1.2.2. Các học phần tự chọn (2 TC) trong các học phần sau:

Cầu lông (1 TC)

Học phần giới thiệu một số kiến thức về lịch sử ra đời, luật thi đấu, yếu lĩnh kỹ thuật và các động tác cơ bản nhất của Cầu lông.

Bóng chuyền (1 TC)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng chuyền và 03 kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền là: Chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay và kỹ thuật di chuyển.

Bóng ném (1 TC)

Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản nhất về môn Bóng ném và thực hành các kỹ thuật cơ bản của Bóng ném.

Bóng bàn (1 TC)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng chuyền và 03 kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền là: Chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay và kỹ thuật di chuyển.

Cờ vua (1 TC)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học cờ vua về lý luận, kỹ năng thực hành cờ vua, năng lực tổ chức thi đấu môn cờ vua.

Bóng rổ (1 TC)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng rổ: Chuyển và bắt bóng bằng hai tay trước ngực, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật dẫn bóng lên rổ một tay trên cao, ném phạt.

1.3. Giáo dục quốc phòng (8 TC)

Chương trình giáo dục quốc phòng gồm 4 học phần bao gồm: Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh; Học phần III: Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn; Học phần IV: Hiểu biết chung về quân, binh chủng. Chương trình giúp người học có những hiểu biết ban đầu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Về truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; Có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc. Ngoài ra còn giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (83 TC)

2.1. Kiến thức liên ngành (43 TC)

2.1.1. Các học phần bắt buộc (28 TC)

Economics (3TC)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế học để giúp sinh viên hiểu được các nguyên lý cơ bản khi đưa ra các quyết định kinh tế tối ưu trong điều kiện khan hiếm nguồn lực, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức vào thực tiễn để phân tích, dự báo hành vi của hộ gia đình, doanh nghiệp và những can thiệp của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế.

Chuyển đổi số trong kinh doanh (2TC)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

Thực tập nghề nghiệp (2 TC)

SV thực tập tại doanh nghiệp, tìm hiểu thực tế về nghề nhân sự, các vị trí công việc trong hoạt động quản trị nhân lực và các kiến thức và kỹ năng cần có của mỗi chức danh nhân sự tại đơn vị thực tập. Thông qua trải nghiệm thực tế tại đơn vị thực tập, sinh viên hiểu rõ về nghề nghiệp, nắm được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và các phẩm chất cần thiết phải tích lũy để đáp ứng yêu cầu công việc tại doanh nghiệp.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh (3 TC)

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của TTNT và ứng dụng của nó trong kinh doanh. Cụ thể là: các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

Fundamentals of Management (3TC)

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

Principles of Marketing (3 TC)

Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức liên ngành. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing –mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

Principles of Human Resource Management (3TC)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị nhân lực. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu về khái niệm, vai trò, xu hướng phát triển của quản trị nhân lực; Các nội dung chính của quản trị nhân lực như tuyển dụng nhân lực, đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đãi ngộ nhân lực.

Principles of Accounting (3 TC)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kế toán bao gồm: định nghĩa kế toán và các loại kế toán, các giả định và nguyên lý kế toán, đặc tính định tính của thông tin tài chính, phương trình kế toán, chứng từ và tài khoản, sổ cái danh nghĩa, giới thiệu phần mềm kế toán. và kế toán đám mây; số dư dùng thử và báo cáo tài chính.

Money, Banking and Financial Market

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống tài chính tiền tệ, bao gồm cả hoạt động trong nước và hoạt động toàn cầu. Các khái niệm về tiền tệ, lạm phát và thị trường tài chính được thảo luận nhằm nâng cao nhận thức của người học về vấn đề tài chính cơ bản. Sau đó, chính sách tiền tệ và hoạt động của nó ở Việt Nam được giới thiệu và phân tích. Phần còn lại của khóa học là những kiến thức cơ bản về hệ thống ngân hàng.

Khởi sự kinh doanh (3 TC)

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới. Ngoài ra học phần còn giới thiệu các kiến thức chung về khởi sự kinh doanh sáng tạo và khởi sự kinh doanh xã hội.

2.1.2. Các học phần tự chọn (15 TC)

Phương pháp nghiên cứu khoa học (3 TC)

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

Quản trị dịch vụ (3TC)

Học phần Quản trị dịch vụ là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức liên ngành. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Luật kinh tế

Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

Kinh doanh quốc tế (3TC)

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

Lý thuyết kinh tế số

Học phần có các nội dung về kinh tế số; số hóa nền kinh tế; sự phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; hệ sinh thái nền kinh tế số; một số nguyên tắc cơ bản của kinh tế số như hàng hóa và dịch vụ số, các mô hình giá trị; một số vấn đề chiến lược của kinh tế số; các đặc điểm chính của thị trường số; kinh tế số nâng cao.

An sinh xã hội (3 TC)

Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như sau: Các khái niệm, nguyên tắc, các hợp phần cơ bản về an sinh xã hội; Lịch sử hình thành an sinh xã hội; Lý thuyết và mô hình an sinh xã hội; Các tiêu chuẩn quốc tế về an sinh xã hội; Hệ thống an sinh xã hội (Bảo hiểm xã hội; Cứu trợ xã hội; Ưu đãi xã hội; Xóa đói giảm nghèo; Quỹ dự phòng; Dịch vụ an sinh xã hội); Quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

Phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng để đánh giá được môi trường việc làm, đánh giá năng lực bản thân, xác định được mục tiêu nghề nghiệp và xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân để có hướng phát triển tốt trong tương lai.

Quản trị thời gian (3 TC)

Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Lập kế hoạch thời gian; Đánh giá cách thức sử dụng thời gian; Phát hiện và khắc phục lãng phí thời gian; Ủy nhiệm ủy quyền; Cân bằng công việc và cuộc sống cá nhân.

Tâm lý học lao động (3 TC)

Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về tâm lý học lao động; cơ sở tâm lý của tổ chức quá trình lao động và quản trị nhóm; tâm lý học an toàn lao động; giao tiếp và nghệ thuật đàm phán nhân sự; đặc điểm tâm lý của lao động quản lý và các kích thích tâm lý người lao động. Học phần có mối quan hệ với các học phần trả công lao động, quản trị nhân lực căn bản và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

Quản trị hành chính văn phòng (3 TC)

Học phần bao gồm các nội dung chính như: Giới thiệu về quản trị hành chính văn phòng; Tổ chức cuộc họp, hội nghị, hội thảo; Tổ chức tiếp khách; Tổ chức chuyến đi công tác; Tổ chức quản lý, giải quyết văn bản và tổ chức lưu trữ tài liệu.

2.2. Kiến thức ngành (15 TC)

2.2.1. Các học phần bắt buộc (9 TC)

Luật lao động (3 TC)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về lĩnh vực lao động. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu về khái niệm luật lao động, quan hệ lao động, các nguyên tắc cơ bản của luật lao động, quản lý nhà nước về lao động; hợp đồng lao động, đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể thoả ước lao động tập thể; tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, bảo hộ lao động; kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất; tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động; đình công và giải quyết đình công. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị nguồn nhân lực định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế và là học phần có tính hỗ trợ nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về quản trị nguồn nhân lực.

Quan hệ lao động (3 TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị nguồn nhân lực định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế. Học phần hàm chứa các nội dung: Những nguyên lý cơ bản về quan hệ lao động; Môi trường quan hệ lao động; Các chủ thể của quan hệ lao động; Cơ chế tương tác trong quan hệ lao động; Báo cáo thực tế về thực trạng quan hệ lao động ở Việt Nam; Các hình thức tương tác trong quan hệ lao động (trao đổi thông tin, tư vấn tham khảo, thương lượng).

Human resource economics (3TC)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế nguồn nhân lực. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề về kinh tế nguồn nhân lực; Cung lao động; Cầu lao động; Cân bằng thị trường lao động; Năng suất lao động và nguồn tiềm năng nâng cao năng suất lao động, đầu tư cho vốn nhân lực và tiền lương, thu nhập, mức sống đối với người lao động.

2.2.2. Các học phần tự chọn (6 TC):

Tổ chức và định mức lao động trong doanh nghiệp (3 TC)

Học phần bao gồm các nội dung chính như: Tổng quan về tổ chức và định mức lao động; Tổ chức lao động trong doanh nghiệp; Định mức lao động trong doanh nghiệp; Tổ chức và định mức đối với lao động quản lý; Tổ chức và định mức lao động sản xuất; Tổ chức và định mức lao động thương mại. Học phần có mối quan hệ với các học phần hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng nhân lực, đánh giá thực hiện công việc và trả công lao động.

Phân tích nhân lực (3TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành quản trị nhân lực. Các nội dung cơ bản của phân tích nhân lực bao gồm: Hệ thống phân tích nhân lực bao gồm dữ liệu phân tích nhân lực; Các nguồn lực để phân tích nhân lực; Báo cáo phân tích nhân lực.... Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực doanh nghiệp.

An toàn và vệ sinh lao động (3 TC)

Học phần bao gồm các nội dung chính như: An toàn lao động, các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, an toàn lao động đối với một số lĩnh vực có nguy cơ cao; vệ sinh lao động, nguyên nhân phát sinh và các biện pháp phòng ngừa bệnh nghề nghiệp; quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh lao động, hệ thống pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức bộ máy quản lý công tác vệ sinh an toàn lao động trong các doanh nghiệp, tổ chức thực hiện, điều hành công tác an toàn vệ sinh lao động trong doanh nghiệp.

Quản trị nhân lực công (3 TC)

Học phần bao gồm các nội dung chính như: Khái niệm, đặc điểm của quản trị nhân lực trong tổ chức công; Xác định vị trí việc làm và quy hoạch nhân lực trong tổ chức công; Thu hút và tuyển dụng nhân lực trong các tổ chức công; Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực trong các tổ chức công; Đánh giá và thù lao nhân lực trong các tổ chức công.

2.3. Kiến thức chuyên ngành (15 TC)

Hoạch định nguồn nhân lực (3 TC)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạch định nguồn nhân lực, bao gồm: Khái niệm, vai trò, nguyên tắc, yêu cầu nội dung hoạch định nguồn nhân lực của doanh nghiệp; Hệ thống thông tin nguồn nhân lực và kỹ thuật hoạch định nguồn nhân lực; Phân tích môi trường quản trị nguồn nhân lực; Dự báo nhu cầu và khả năng cung ứng nguồn nhân lực; Thiết lập chiến lược nguồn nhân lực; Xây dựng chính sách và kế hoạch nguồn nhân lực của tổ chức, doanh nghiệp.

Thực hành Tuyển dụng nhân lực (3 TC – GV thực tế)

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung: xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân lực; tuyển mộ nhân lực; tuyển chọn nhân lực; quyết định tuyển dụng và hội nhập nhân viên mới; đánh giá tuyển dụng nhân lực.

Trả công lao động (3 TC)

Học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành cơ bản về trả công lao động trong doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Khái niệm, vai trò của trả công lao động, cơ cấu và các nguyên tắc trả công lao động; trả lương, phụ cấp lương và quản

lý trả lương; trả thưởng; trả phúc lợi; Báo cáo thực tế về trả công lao động trong doanh nghiệp và các chính sách, chế độ tiền lương của Việt Nam.

Đào tạo và phát triển nhân lực (3TC)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về đào tạo và phát triển nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp. Cụ thể, các nội dung chính của học phần bao gồm: tổng quan về đào tạo và phát triển nhân lực, xác định nhu cầu đào tạo và phát triển nhân lực, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực, triển khai đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá kết quả đào tạo và phát triển nhân lực, quản lý phát triển nghề nghiệp.

Performance appraisal (3 TC)

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: khái niệm, vai trò, vị trí của đánh giá thực hiện công việc; nội dung của đánh giá thực hiện công việc; thiết kế đánh giá thực hiện công việc; triển khai đánh giá thực hiện công việc và sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc.

2.4. Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học (10 TC)

Thực tập và viết báo cáo dự án nhóm (3 TC)

Báo cáo dự án nhóm là một sản phẩm nghiên cứu chuyên ngành nhằm giải quyết một vấn đề thực tiễn quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp đặt ra thuộc chủ đề dự án trên cơ sở vận dụng những lý thuyết đã được học bằng phương pháp nghiên cứu khoa học, công cụ công nghệ thông tin phù hợp.

Thực tập và viết luận văn tốt nghiệp (7 TC)

Luận văn tốt nghiệp là một sản phẩm nghiên cứu chuyên ngành nhằm giải quyết một vấn đề thực tiễn quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp đặt ra trên cơ sở vận dụng những lý thuyết về kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành quản trị nhân lực bằng phương pháp nghiên cứu khoa học, công cụ công nghệ thông tin phù hợp.